

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Quý và Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1969; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Xuân S, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số 5M 42/1, Tổ 13, Ấp 5, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Bà Hồ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Xuân S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Bình Trị Thiên (Nay là phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 03/11/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ly thân vào năm 1990, từ đó đến nay không qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết

được ly hôn với ông Hồ Xuân S.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Minh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1990, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Hồ Xuân S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Bình Trị Thiên (Nay là phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 03/11/1988. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ly thân vào năm 1990, từ đó đến nay không qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của bà Hồ Thị L.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Minh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1990. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Hồ Xuân S, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Xuân S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 5M 42/1, tổ 13, ấp 5, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên đã lập văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Về sự vắng mặt của đương sự: đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị L và ông Hồ Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn

toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự đều xác định quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ly thân nhau đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau và đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa bà L và ông S là có thật, làm cho hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L để xử cho bà L được ly hôn với ông S.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà L và ông S có 01 con chung tên là Hồ Minh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1990; con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông S xác định không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Hồ Thị L chịu án phí phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bà Hồ Thị L và ông Hồ Xuân S.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hồ Thị L, xử cho bà Hồ Thị L được ly hôn với ông Hồ Xuân S.
3. Án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị L chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân

sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003223 ngày 25 tháng 4 năm 2024. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức